

BÁO CÁO VĨ MÔ

THÁNG 08-2026

Chuyên viên Phân tích

Mai Trung Nghĩa Email: ngiamt@vikkibanks.vn



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

TÓM TẮT SỰ KIỆN

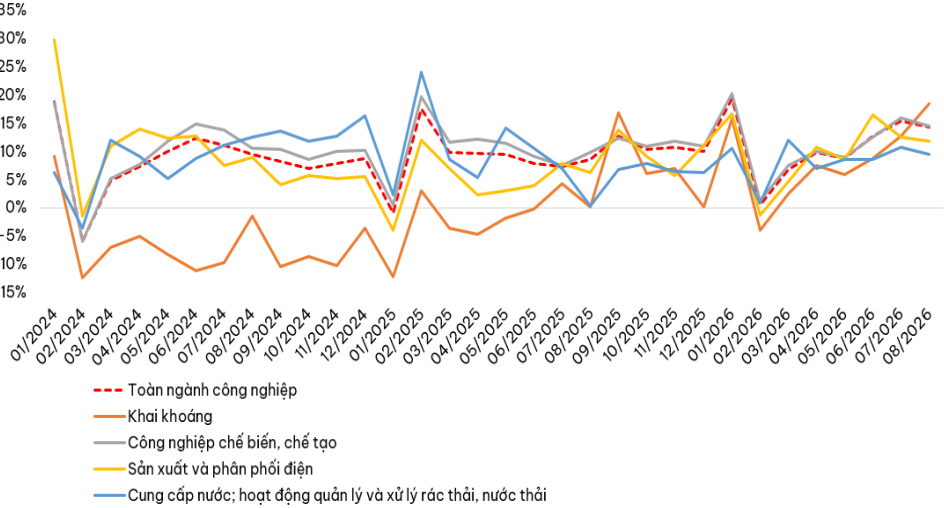
Chủ đề	Sự kiện/Chỉ tiêu	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô Việt Nam	Chỉ số PMI tiếp tục cải thiện	PMI sản xuất Việt Nam tháng 8 đạt 53,3 điểm, tăng từ 52,9 điểm tháng 7 và duy trì trên ngưỡng 50 tháng thứ 14 liên tiếp. Sản lượng và đơn hàng mới tăng mạnh, tuy nhiên đơn hàng xuất khẩu mới giảm trở lại (cần theo dõi thêm).	Tích cực
	Dòng vốn FDI khởi sắc	FDI đăng ký 8 tháng đạt 40,63 tỷ USD, tăng 55,4% YoY; vốn thực hiện đạt 17,25 tỷ USD, tăng 12% YoY, cao nhất của 8 tháng trong 5 năm. FDI vào chế biến, chế tạo tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn.	Tích cực
	Lãi suất cho vay giảm nhẹ	Nhiều ngân hàng triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi, lãi suất cho vay giảm khoảng 0,5-1%/năm; Vietcombank triển khai gói 50.000 tỷ đồng, Agribank triển khai gói 70.000 tỷ đồng cho DN nhỏ và vừa (SME) với lãi suất thấp hơn 1-2%.	Tích cực
	CPI tháng 8 tăng do giá năng lượng	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2026 tăng 0,47% so với tháng trước chủ yếu do giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo giá nhiên liệu thế giới. CPI tháng Tám tăng 3,57% so với tháng 12/2025 và tăng 4,89% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,24%.	Tiêu cực
Vĩ mô thế giới	Fed phát tín hiệu thắt chặt	Tại Jackson Hole cuối tháng 8, Chủ tịch Fed Kevin Warsh nhấn mạnh lạm phát vẫn cần được kiểm soát và chính sách hiện tại chưa đủ hạn chế. Thị trường nâng mạnh kỳ vọng Fed tăng lãi suất trong tháng 9; với xác suất tăng 25 điểm cơ bản đã vượt 60%.	Tiêu cực
	Lợi suất trái phiếu Mỹ tăng mạnh	Cuối tháng 8, lợi suất TPCP Mỹ 10 năm vượt 4,75%, trong bối cảnh lo ngại lạm phát, thâm hụt ngân sách và nhu cầu vốn lớn của Chính phủ Mỹ. Lợi suất cao làm gia tăng chi phí vốn toàn cầu và gây áp lực lên các thị trường mới nổi.	Tiêu cực
	Trung Quốc tăng trưởng yếu, chính sách hỗ trợ chưa mạnh	Chỉ số PMI của Trung Quốc tháng 8 tăng lên 49,8 nhưng vẫn dưới 50. Trong bối cảnh PBOC giữ LPR 1 năm ở 3,00% và 5 năm ở 3,50% tháng thứ 15 liên tiếp, cho thấy ưu tiên hiện tại nghiêng nhiều hơn về hỗ trợ tài khóa.	Trung lập
	Giá dầu tăng do căng thẳng địa chính trị	Căng thẳng tại Trung Đông, đặc biệt rủi ro liên quan eo biển Hormuz, đẩy giá dầu tăng mạnh cuối tháng; Brent có thời điểm vượt 90 USD/thùng. Giá năng lượng cao làm gia tăng áp lực lạm phát toàn cầu và chi phí nhập khẩu của Việt Nam.	Tiêu cực



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

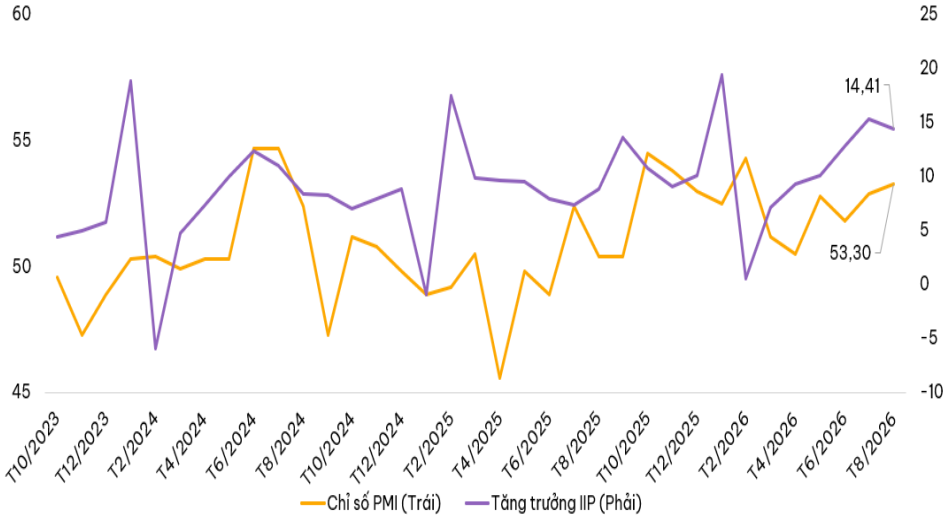
Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

Hình 1: Tăng trưởng IIP của Việt Nam (%YoY)



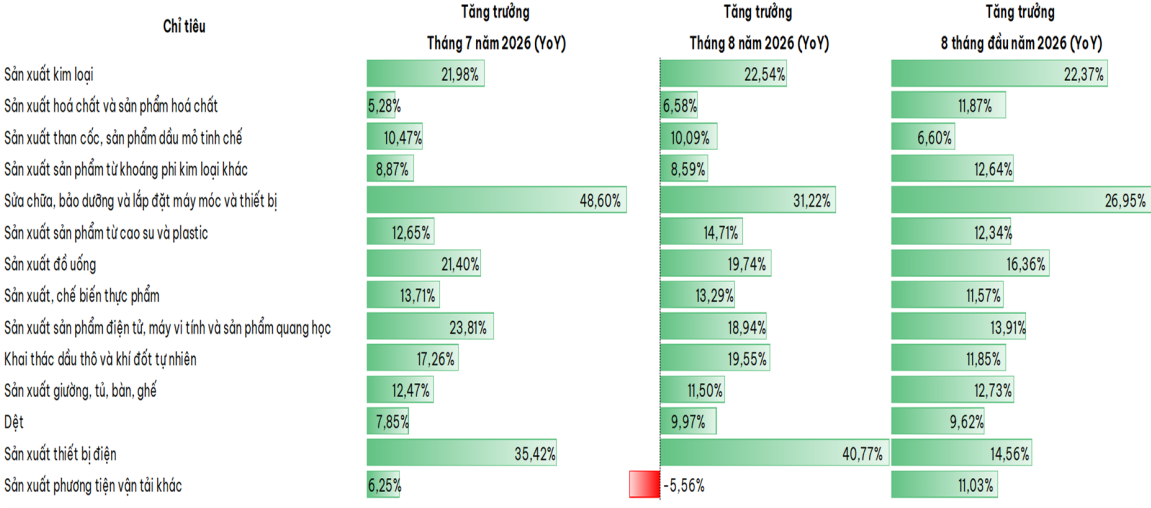
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 2: Chỉ số PMI & Tăng trưởng IIP (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 3: Tăng trưởng IIP của một số ngành công nghiệp trọng điểm



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

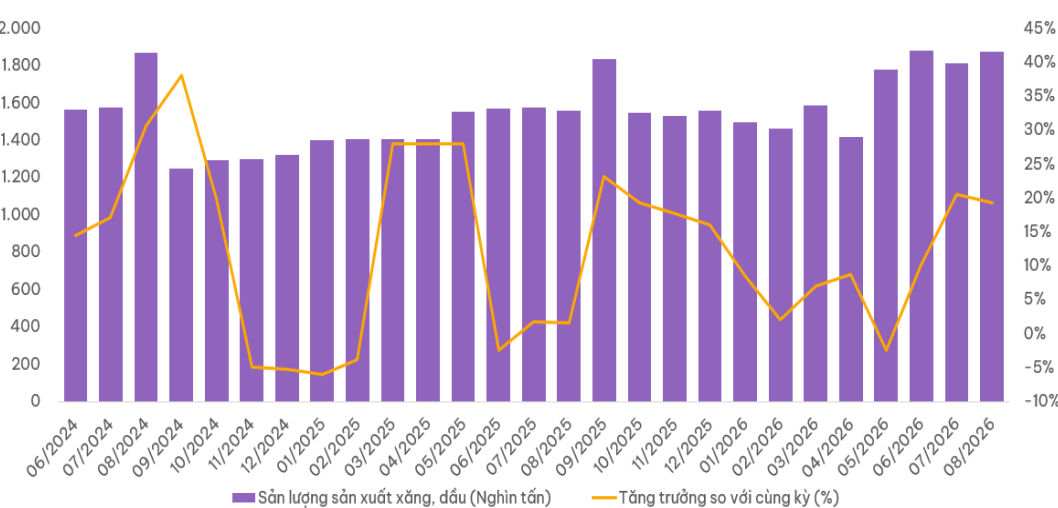
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) duy trì đà tăng trưởng 2 con số trong 4 tháng liên tiếp, IIP tháng 8/2026 ước tăng 14,4% YoY. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, IIP ước tăng 11,9% YoY, xác lập mức tăng cao nhất của 8 tháng đầu năm trong giai đoạn 2019-2026. Trong đó, động lực tăng trưởng chính đến từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 12,5% YoY, đóng góp 9,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung và tiếp tục giữ vai trò đầu tàu của khu vực công nghiệp. Theo sau là ngành khai khoáng (+8,1% YoY) & ngành sản xuất và phân phối điện (+10,1% YoY) tương ứng với mức đóng góp lần lượt là 1,3 và 0,9 điểm phần trăm; riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+9,4% YoY), đóng góp 0,1 điểm phần trăm.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 8/2026 đạt 53,3 điểm, tăng so với 52,9 điểm của tháng trước, cho thấy sức khỏe ngành sản xuất cải thiện mạnh và khởi sắc hơn khi các điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất cải thiện mạnh so với tháng 2. Sản lượng và tốc độ tăng số lượng đơn đặt hàng mới cũng kéo dài đà tăng mạnh trong nhiều tháng liên tục. Tổng số lượng đơn đặt hàng mới được ghi nhận tăng trong tháng 8 mặc dù số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm trở lại (ở mức thấp) trong bối cảnh bất ổn địa chính trị hiện nay. Giá dầu tăng tiếp tục đẩy chi phí các sản phẩm phái sinh như nhiên liệu, nhựa và chi phí vận chuyển tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng chi phí đầu vào đã chậm lại thành mức thấp của 11 tháng dẫn đến giá bán hàng cũng tăng chậm hơn, và tốc độ tăng đã giảm trong bốn tháng liên tiếp.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

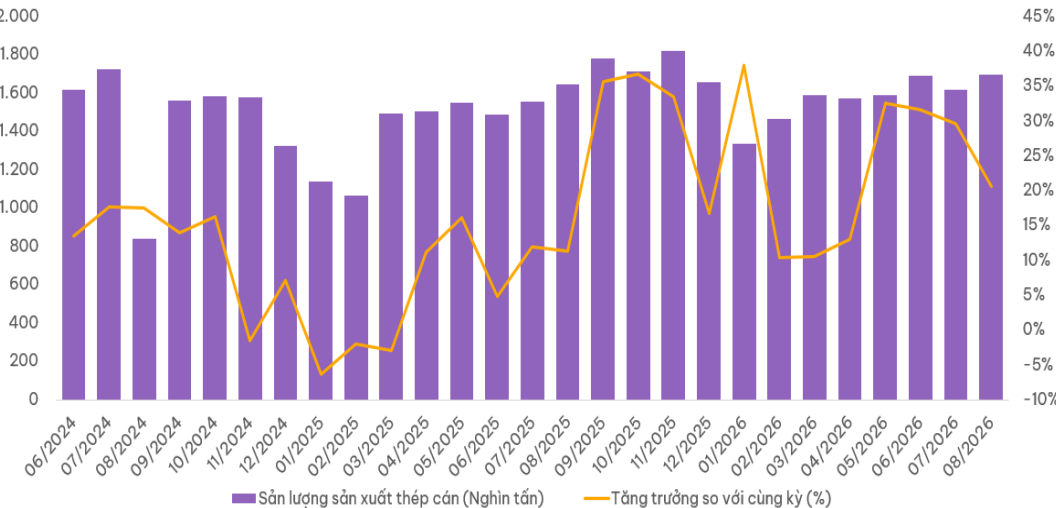
Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

Hình 4: Sản lượng xăng, dầu theo tháng (%YoY)



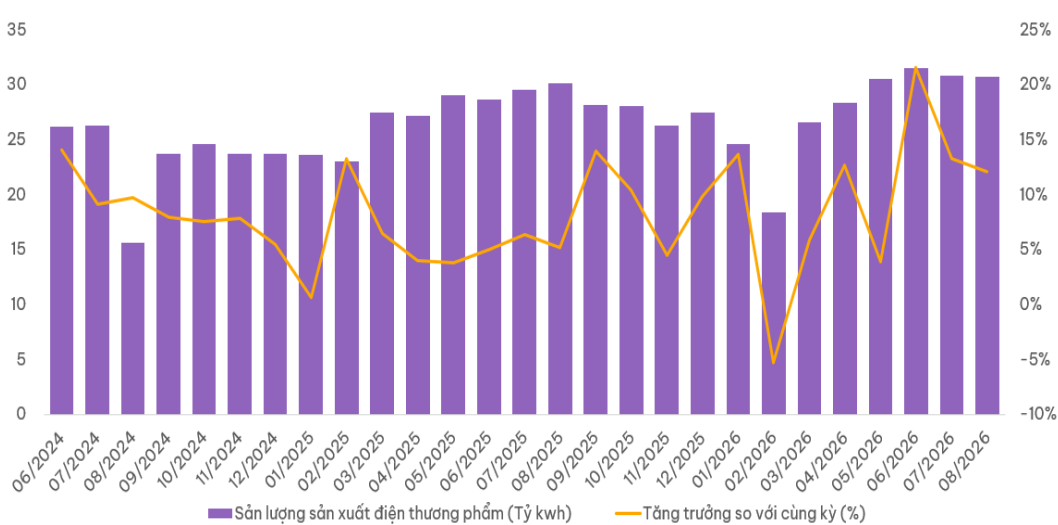
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 5: Sản lượng thép cán theo tháng (%YoY)



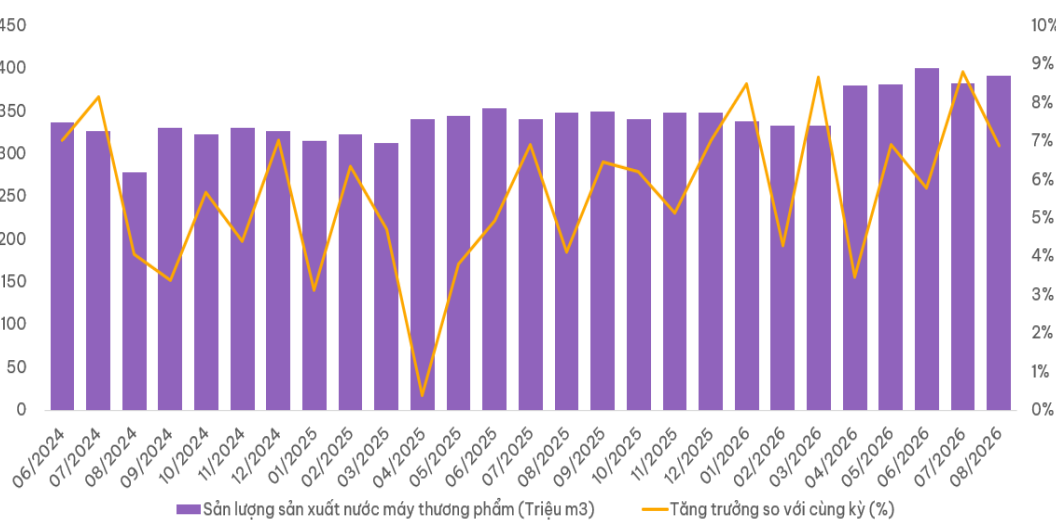
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 6: Sản lượng sản xuất điện thương phẩm theo tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 7: Sản lượng sản xuất nước máy thương phẩm theo tháng (%YoY)



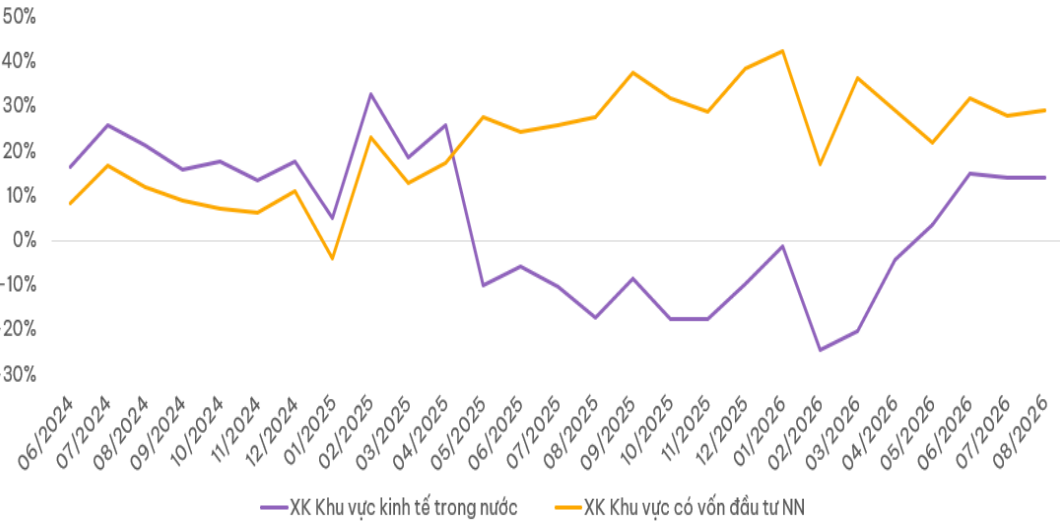
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

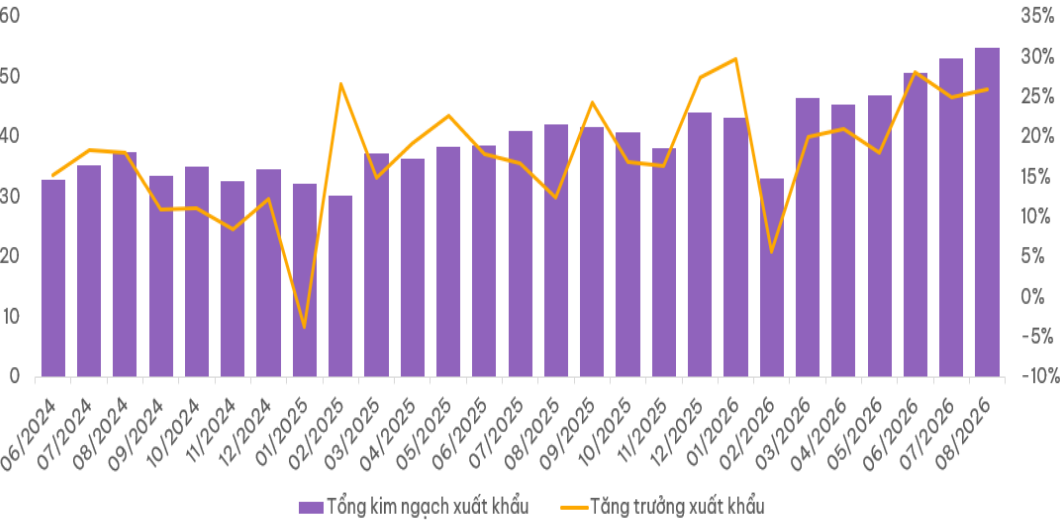
Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

Hình 8: Tăng trưởng xuất khẩu qua các tháng (%YoY)



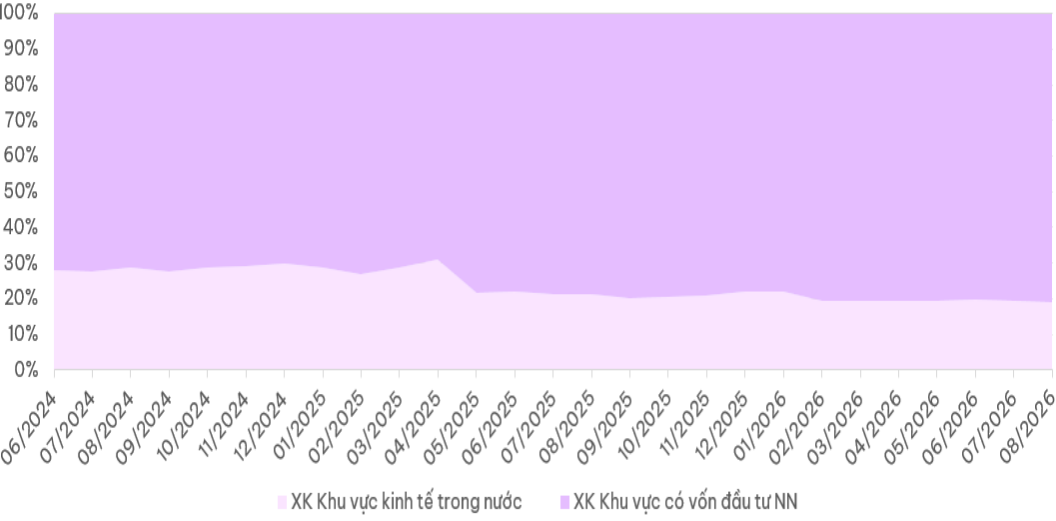
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 10: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

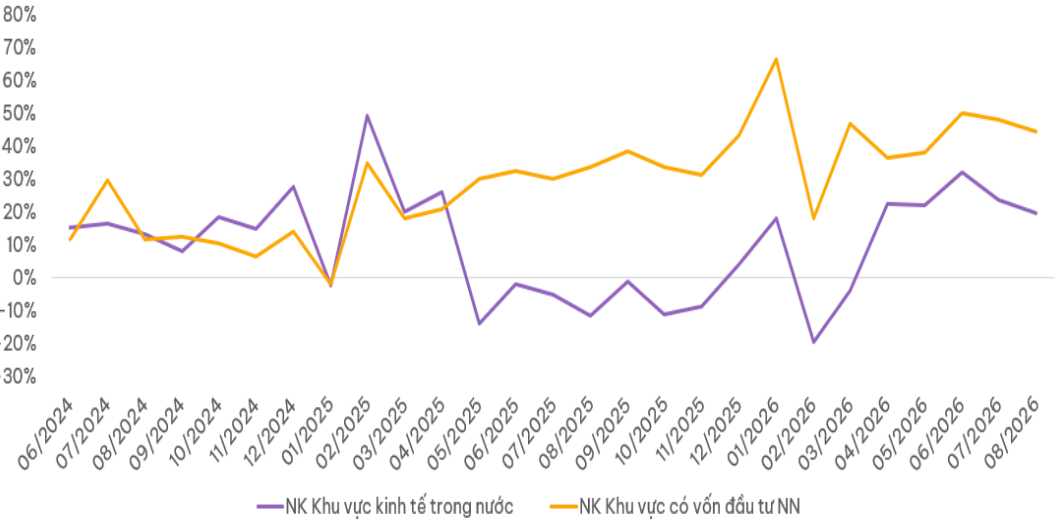
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T8/2026 ước đạt 54,79 tỷ USD, tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 26% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 14,1% YoY; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 29,2% YoY.
- Tính chung tám tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 374,84 tỷ USD, tăng 22,4% YoY. Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 10 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+51,1% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+26,4% YoY); Điện thoại các loại và linh kiện (+19,4% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 26,9% với giá trị xuất khẩu đạt 300,37 tỷ USD – chiếm 80,1% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng nhẹ 7,4% với giá trị xuất khẩu đạt 74,47 tỷ USD – chiếm 19,9% tổng kim ngạch.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

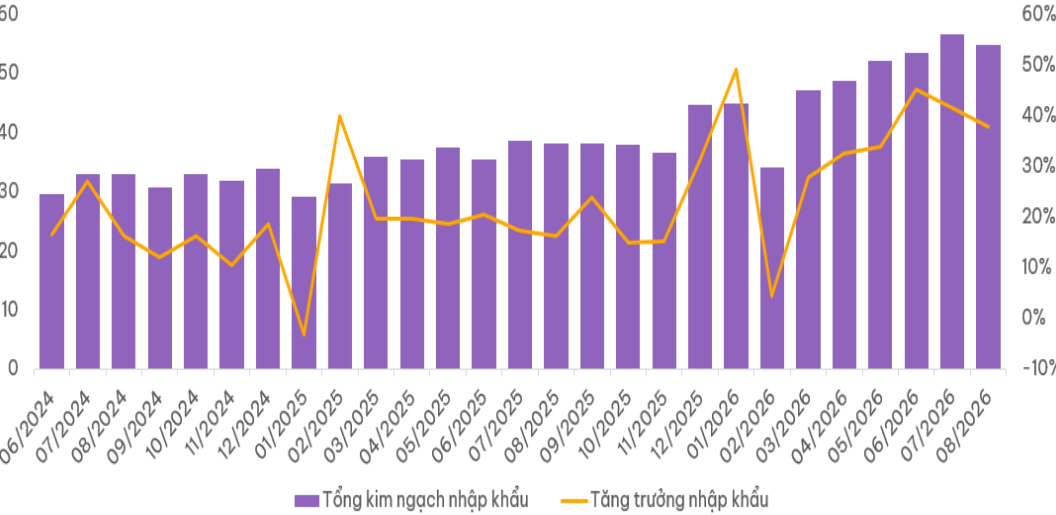
Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

Hình 11: Tăng trưởng nhập khẩu qua các tháng (%YoY)



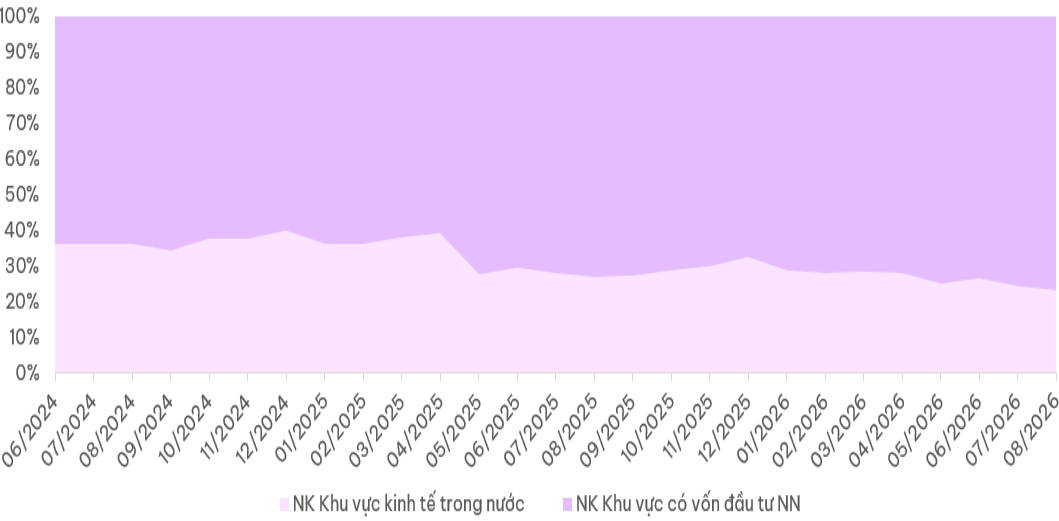
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 12: Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

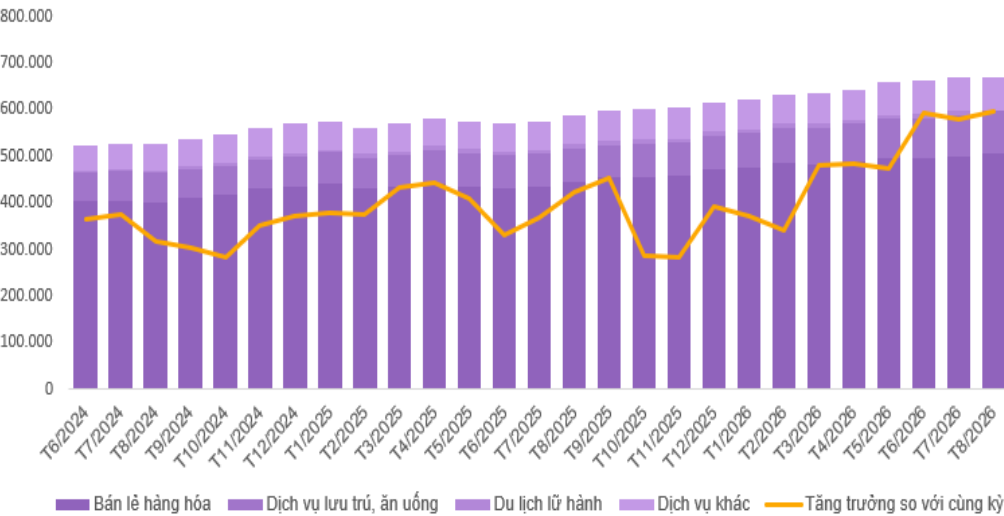
- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T8/2026 ước đạt 54,91 tỷ USD, giảm 3,1% so với tháng trước và tăng 37,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 19,7% YoY; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 44,6% YoY.
- Tính chung tám tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 395,5 tỷ USD, tăng 35,3% YoY. Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu trên 10 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+68,3% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+22,1% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 40,1% với giá trị nhập khẩu đạt 290,23 tỷ USD – chiếm 73,4% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức tăng 23,7% với giá trị nhập khẩu đạt 105,07 tỷ USD – chiếm 26,6% tổng kim ngạch.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

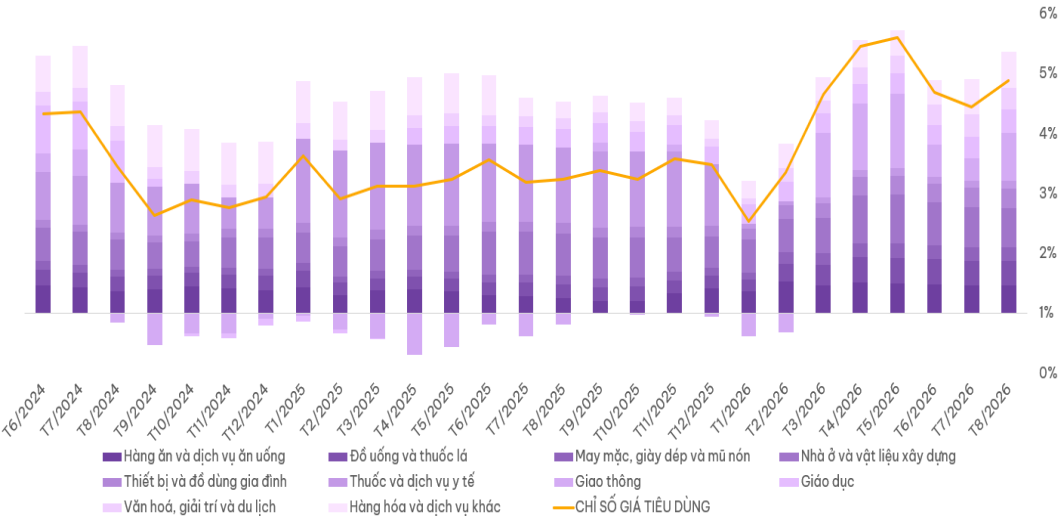
Hình 14: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Tám năm 2026 ước đạt 679,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa của hầu hết các nhóm hàng đều có xu hướng tăng so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, như: nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 2,2% QoQ và tăng 25,9% YoY; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 1,8% QoQ và tăng 24,8% YoY; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 0,7% QoQ và tăng 19,2% YoY; nhóm lương thực, thực phẩm tăng 2,0% QoQ và tăng 12,9% YoY; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ tăng 2,7% QoQ và tăng 12,3% YoY; hàng may mặc tăng 2,4% QoQ và tăng 11,9% YoY; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 1,6% QoQ và tăng 9,2% YoY; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 0,3% QoQ và tăng 4,3% YoY. Riêng nhóm hàng ô tô các loại giảm 2,7% QoQ và giảm 1,8% YoY.
- Tính chung tám tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 5.235,5 nghìn tỷ đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2025, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,6% (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,5%).
- Doanh thu bán lẻ hàng hóa tám tháng năm 2026 ước đạt 3.947,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,4% tổng mức và tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 28,1%; hàng hóa khác tăng 19,2%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng tăng 16,5%; xăng dầu các loại tăng 15,2%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 16,4%.
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tám tháng năm 2026 ước đạt 670,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,8% tổng mức và tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu du lịch lữ hành tám tháng năm 2026 ước đạt 68,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng mức và tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu dịch vụ khác tám tháng năm 2026 ước đạt 548,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,5% tổng mức và tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 15: Chỉ số CPI và mức tăng trưởng của các nhóm ngành (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2026 tăng 0,47% so với tháng trước chủ yếu do giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo giá nhiên liệu thế giới. CPI tháng Tám tăng 3,57% so với tháng 12/2025 và tăng 4,89% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,24%. Trong mức tăng 0,47% của CPI tháng 8/2026 so với tháng trước có 01 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm và 10 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng.

+ Cụ thể, nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giảm như sau:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,03% so với tháng trước (góp phần làm CPI chung giảm 0,01 điểm phần trăm), trong đó: Chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 0,05%; lương thực giảm 0,04%; dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,01%.

+ Mười nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm:

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,03% so với tháng trước. Trong đó, giá sách, báo, tạp chí các loại tăng 0,27%; du lịch trong nước tăng 0,20%; thiết bị dụng cụ thể thao tăng 0,19%; đồ chơi tăng 0,15%; khách sạn tăng 0,06%. Ở chiều ngược lại, vé thuê chỗ chơi thể thao giảm 0,09%; du lịch ngoài nước giảm 0,24%; xem phim, ca nhạc giảm 1,02%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,05% do giá một số loại thuốc tăng nhẹ khi chi phí nguyên liệu đầu vào tăng.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,08% so với tháng trước. Trong đó, giá máy điện thoại di động thông thường tăng 1,24%; máy điện thoại cố định tăng 0,53%; máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,19%; sửa chữa điện thoại tăng 0,18%; dịch vụ viễn thông tăng 0,11%. Ở chiều ngược lại, giá tivi màu giảm 0,32%; phụ kiện máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,08%; máy vi tính và phụ kiện giảm 0,03%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,10% so với tháng trước, chủ yếu do giá thuê nhà tăng 0,07%; dầu hỏa tăng 4,63%; gas tăng 4,19%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,03%. Ở chiều ngược lại, giá điện sinh hoạt giảm 1,33%, giá nước sinh hoạt giảm 0,32%.

- Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,11% so với tháng trước do nhu cầu mua sắm chuẩn bị năm học mới tăng. Trong đó, giá mũ nón tăng 0,27%; vải các loại tăng 0,18%; giày, dép tăng 0,11%; quần áo may sẵn tăng 0,09%; dịch vụ giày, dép tăng 0,65%; dịch vụ may mặc tăng 0,48%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,12% do nhu cầu tiêu dùng cùng với chi phí nguyên liệu sản xuất đầu vào tăng. Trong đó, giá nước uống tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,52%; nước khoáng tăng 0,34%; thuốc hút tăng 0,24%; rượu các loại tăng 0,18%; nước quả ép tăng 0,10%; bia các loại tăng 0,06%. Riêng giá nước giải khát có ga giảm 0,14%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,15% so với tháng trước, trong đó: Giá máy dùng điện cho chăm sóc cá nhân tăng 0,75%; sửa chữa đồng hồ đeo tay, sửa chữa đồ trang sức tăng 0,50%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,49%; dụng cụ cá nhân không dùng điện tăng 0,33%; dịch vụ vẽ hiệu, hỷ tăng 0,21%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,19%. Ngược lại, giá đồ trang sức giảm 0,50%; túi xách, va ly, ví giảm 0,44%; dịch vụ hành chính, pháp lý giảm 0,35%.

- Nhóm giáo dục tăng 0,47% so với tháng trước, trong đó: Giá dịch vụ giáo dục tăng 0,57%; giá sản phẩm từ giấy tăng 0,37%; bút viết các loại tăng 0,34%; văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,29%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,19% so với tháng trước, chủ yếu do chi phí nguyên nhiên vật liệu và nhân công sản xuất tăng. Trong đó, giá vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,33%; tủ lạnh, đồ dùng nấu ăn và hàng thủy tinh, sành, sứ cùng tăng 0,27%; đồ điện và xà phòng, chất tẩy rửa cùng tăng 0,20%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 0,13%; đồ dùng bằng kim loại và đồ nhựa, cao su cùng tăng 0,07%; hàng dệt trong nhà tăng 0,05%; dịch vụ sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,34%; dịch vụ trong gia đình tăng 0,18%. Ở chiều ngược lại, giá bàn là điện giảm 0,92%; gương treo tường giảm 0,70%; máy đánh trứng giảm 0,50%; máy giặt giảm 0,35%; bình nước nóng nhà tắm giảm 0,10%.

- Nhóm giao thông tăng 4,09% so với tháng trước (tác động làm CPI chung tăng 0,41 điểm phần trăm), chủ yếu do chỉ số giá dầu diesel tăng 22,15%; giá xăng tăng 9,53% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước. Bên cạnh đó, giá nhóm phụ tùng tăng 0,11%; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,40%; giá dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,33%; phí học bằng lái xe tăng 0,37%. Ở chiều ngược lại, giá vận tải hành khách bằng đường sắt giảm 9,86%; vận tải hành khách bằng đường hàng không giảm 0,81%; vận tải hành khách bằng xe buýt giảm 0,29%; giá xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,63%; xe ô tô mới giảm 0,50%; xe máy giảm 0,18%.

- CPI bình quân 8 tháng đầu năm 2026 tăng 4,45% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng cao nhất với 6,71% (làm CPI chung tăng 1,52 điểm phần trăm); giao thông tăng 5,38% (làm CPI chung tăng 0,54 điểm phần trăm); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,76% (làm CPI chung tăng 1,70 điểm phần trăm); hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,46% (làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm); đồ uống và thuốc lá tăng 3,67% (làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm); giáo dục tăng 3,42% (làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,79% (làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm); văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,71%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,03%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,08%; thông tin và truyền thông tăng 0,09%.
- Lạm phát cơ bản tháng 8/2026 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 4,55% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,45% của CPI bình quân chung, chủ yếu là do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

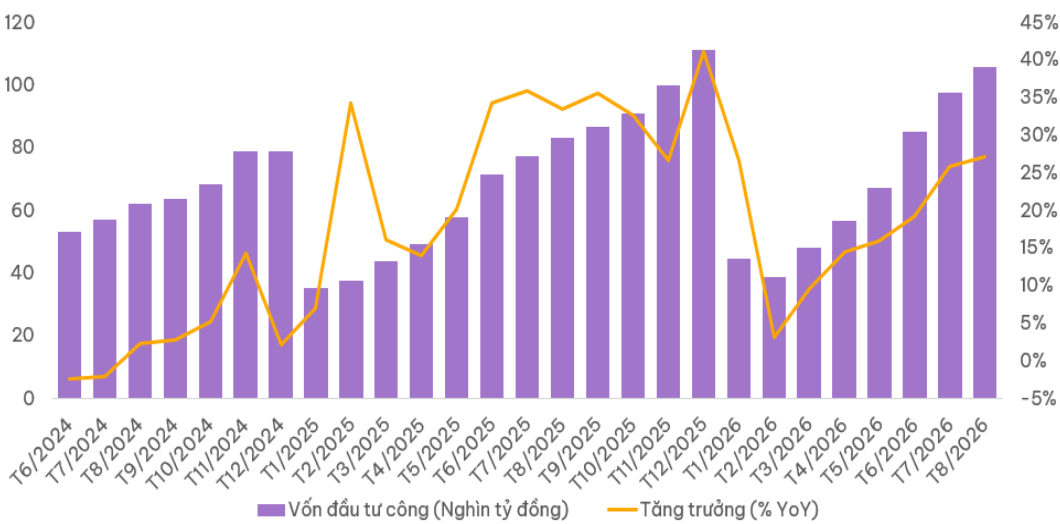




BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

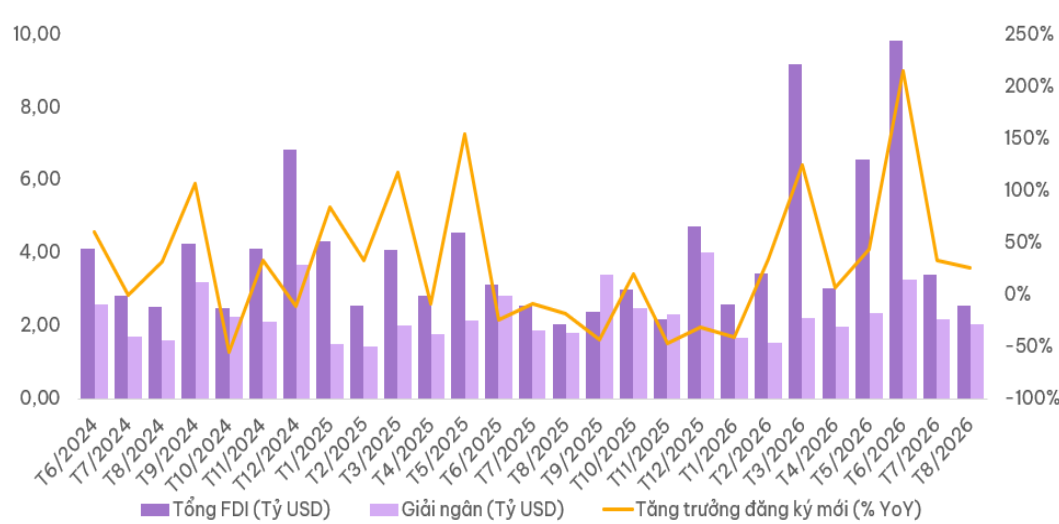
Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

Hình 16: Tăng trưởng đầu tư công qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Hình 17: Tăng trưởng FDI tại Việt Nam qua các tháng (%YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

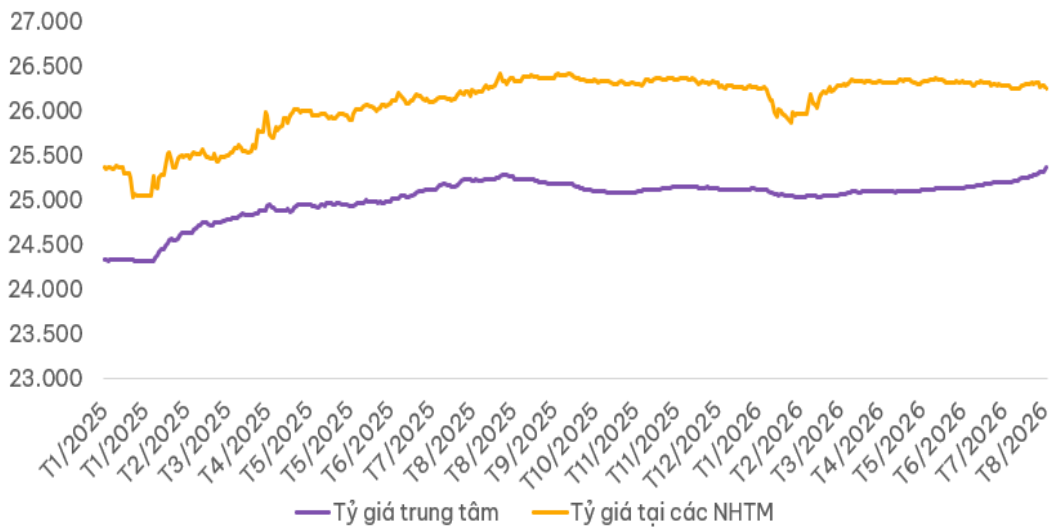
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 8/2026 ước đạt 105,7 nghìn tỷ đồng, tăng 24,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý đạt 15 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3%; vốn địa phương quản lý đạt 90,7 nghìn tỷ đồng, tăng 27,2%. Tính chung tám tháng năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 546,8 nghìn tỷ đồng, bằng 50,5% kế hoạch năm và tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 45,3% và tăng 26,4%).
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/8/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 40,63 tỷ USD, tăng 55,4% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký cấp mới có 2.771 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 21,72 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 96,8% về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 12,15 tỷ USD, chiếm 55,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 3,13 tỷ USD, chiếm 14,4%; các ngành còn lại đạt 6,44 tỷ USD, chiếm 29,7%.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam tám tháng năm 2026 ước đạt 17,25 tỷ USD, tăng 12,0% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của tám tháng trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14,24 tỷ USD, chiếm 82,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,29 tỷ USD, chiếm 7,5%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 622,9 triệu USD, chiếm 3,6%.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

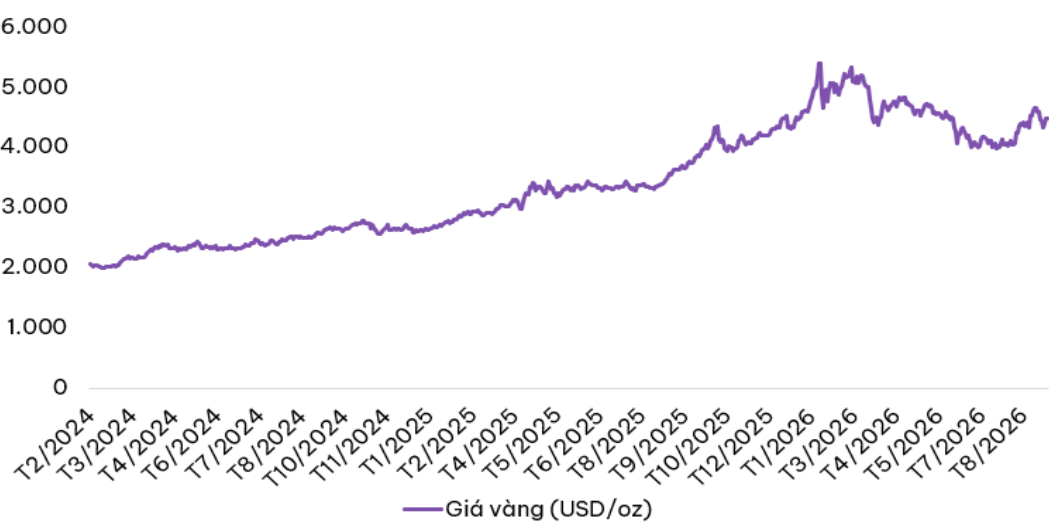
Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

Hình 18: Tỷ giá USD/VND



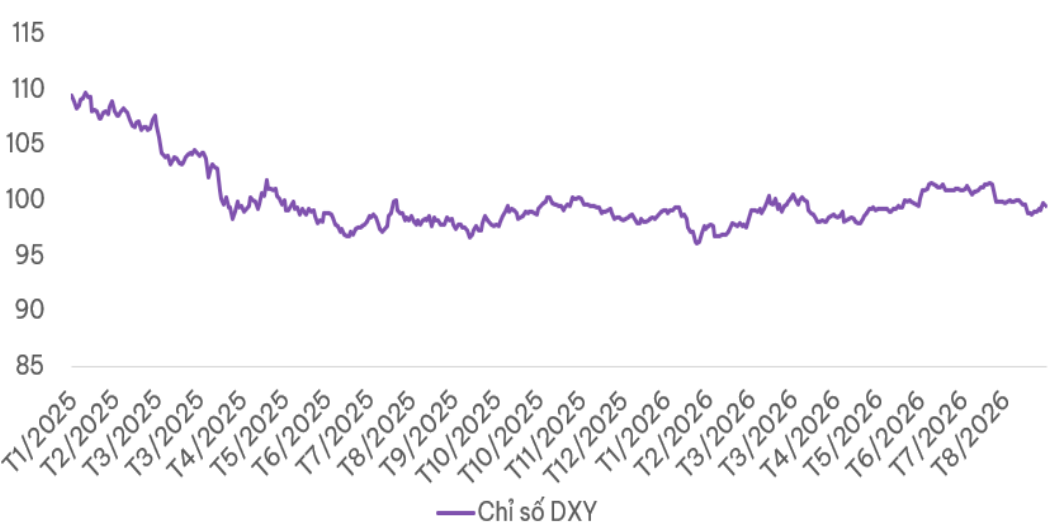
Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 20: Giá vàng thế giới



Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 19: Chỉ số Dollar (DXY)



Nguồn: VikkiBankS Research

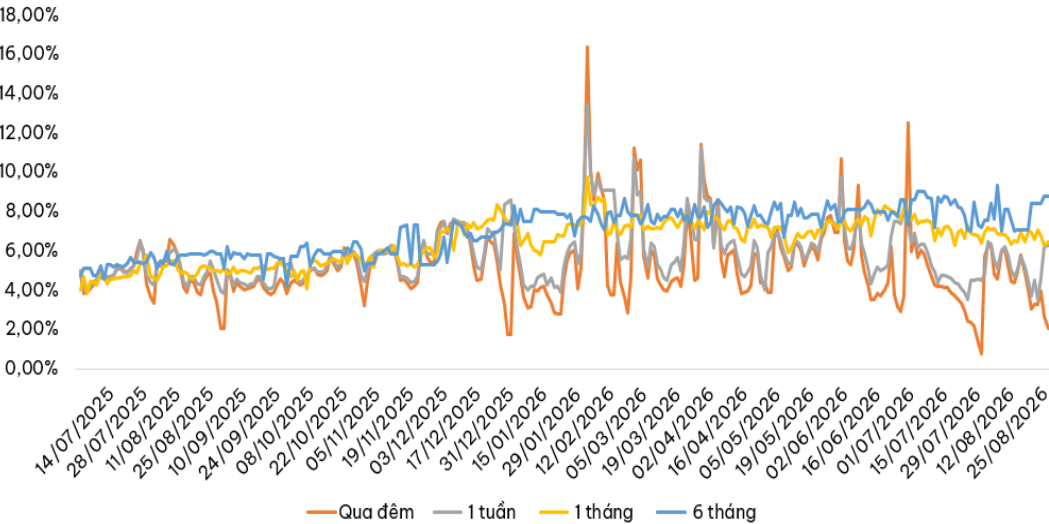
- Tính đến ngày 25/8/2026, chỉ số DXY đạt mức 99,65 điểm, giảm 1,17 điểm so với tháng Bảy chủ yếu do đồng USD suy yếu trên thị trường quốc tế trong bối cảnh kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Mỹ thay đổi và lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ giảm. Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Tám giảm 0,38% so với tháng trước; giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2025; giảm 0,38% so với tháng 12/2025. Bình quân tám tháng năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,31% YoY.
- Giá vàng trong nước biến động không cùng chiều với giá vàng thế giới. Bình quân giá vàng thế giới tháng Tám (tính đến ngày 25/8/2026) ở mức 4.377,25 USD/ounce, tăng 7,22% so với tháng Bảy. Giá vàng thế giới tăng chủ yếu do đồng USD suy yếu, lợi suất trái phiếu Mỹ giảm, dòng vốn đầu tư vào các quỹ vàng tăng mạnh; đồng thời, bất ổn địa chính trị tại Iran và khu vực Trung Đông tiếp tục làm gia tăng nhu cầu đối với vàng. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng Tám giảm 0,65% so với tháng trước; tăng 16,98% so với cùng kỳ năm 2025; giảm 6,27% so với tháng 12/2025. Bình quân tám tháng năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 46,98% so với cùng kỳ năm trước.



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

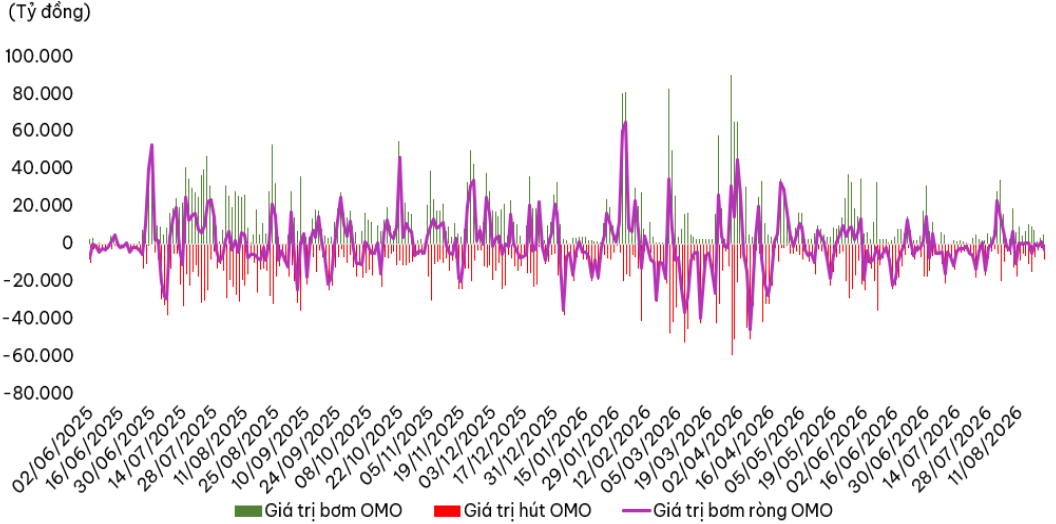
Hình 21: Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: VikkiBankS Research

- Lãi suất liên ngân hàng trong tháng 8/2026 tiếp tục xu hướng giảm rõ rệt, phản ánh thanh khoản hệ thống dồi dào. Sau đỉnh 5,72% cuối tháng 7, lãi suất qua đêm đã hạ nhiệt mạnh: chốt phiên 6/8 còn 4,6% và tiếp tục giảm xuống 4,38% vào 13/8. Đến nửa cuối tháng, lãi suất qua đêm giảm liên tục, chỉ còn 3,01% ngày 20/8 và giảm sâu xuống 1,19% vào 27/8 – mức thấp nhất kể từ đầu năm. Các kỳ hạn ngắn khác cũng giảm mạnh. Cụ thể, lãi suất 1 tuần giảm từ khoảng 5–6% đầu tháng về 3,73% (20/8) rồi tăng trở lại đến ~6,4% cuối tháng; lãi suất 2 tuần giảm xuống 5,64% (20/8) và lên ~6,5% cuối tháng. Trong khi đó, các kỳ hạn dài hơn (1–6 tháng) neo ở mức cao: cuối tháng dao động quanh 6,5–8,8%. Nhìn chung, lãi suất qua đêm và các kỳ hạn ngắn đã hạ nhiệt rõ nét, trong khi chi phí vốn kỳ hạn trung và dài hạn vẫn ở mức khá cao, phản ánh nhu cầu vốn trung dài hạn của các ngân hàng còn mạnh trong khi thanh khoản ngắn hạn dư thừa.
- Trong tháng 8/2026, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) điều hành nghiệp vụ thị trường mở (OMO) linh hoạt, điều tiết thanh khoản theo diễn biến cung – cầu vốn. Đầu tháng (3–7/8), NHNN bơm ròng khoảng 24.726 tỷ đồng qua OMO (phát hành 76.040 – đáo hạn 51.313) nhằm hạ nhiệt lãi suất liên ngân hàng sau cú sốc cuối tháng 7. Hai tuần kế tiếp (10–21/8), nhà điều hành chuyển sang hút ròng, lần lượt 11.592 tỷ và 7.839 tỷ đồng, để cân đối thanh khoản khi lãi suất đã giảm. Sau đó, NHNN đảo chiều bơm ròng mạnh 54.893 tỷ đồng (phát hành 86.347 – đáo hạn 31.453) lên ~232.718 tỷ đồng của tháng. Động thái bơm ròng quy mô lớn này đã tiếp tục nới lỏng thanh khoản ngắn hạn, giúp lãi suất qua đêm giảm sâu xuống 2,06% vào cuối tháng.

Hình 22: Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)



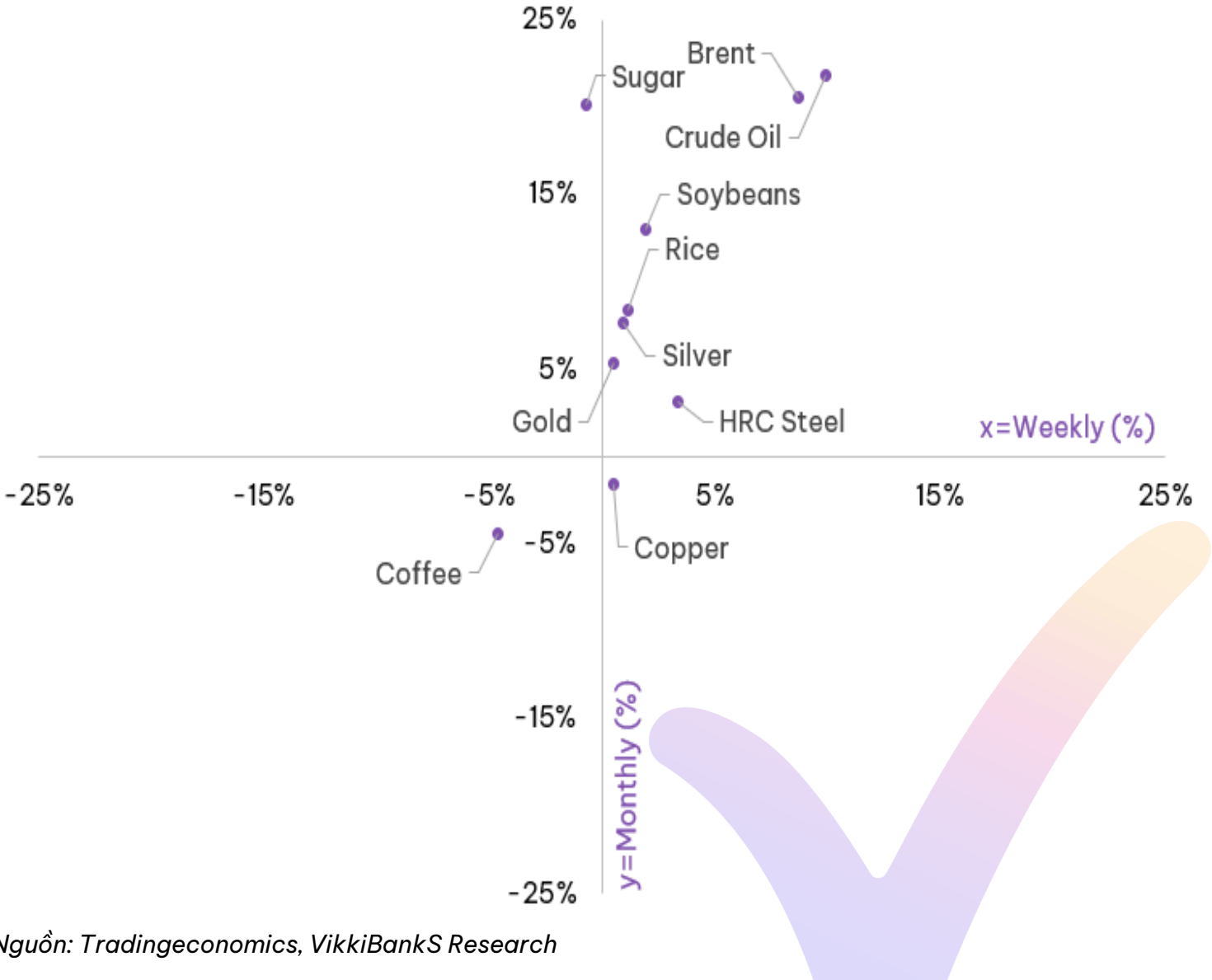
Nguồn: VikkiBankS Research



BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 08-2026

Thứ Sáu, 04 Tháng Chín 2026

Name	Price	YoY
Crude Oil (USD/bbl)	91,67	48,16%
Brent (USD/bbl)	95,81	46,27%
Coking Coal (USD/t)	274,00	46,52%
Gold (USD/t.oz)	4.475,41	24,58%
Silver (USD/t.oz)	66,76	62,99%
Copper (USD/lbs)	6,60	47,54%
HRC Steel (USD/t)	1.230,10	53,96%
Sugar (USD/lbs)	18,07	15,17%
Soybeans (USD/bu)	1.300,83	29,24%
Coffee (USD/lbs)	295,35	-23,43%
Rice (USD/cwt)	15,24	31,56%



TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.